

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 110 /QĐ-ĐHGTVT, ngày 24 tháng 03 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình:	QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH VẬN TẢI
Mã chuyên ngành:	
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Khai thác vận tải
Mã ngành:	7840101
Thời gian đào tạo:	4.0 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý & Kinh doanh vận tải được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo kỹ sư ngành Khai thác vận tải:

- Có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý và kinh doanh vận tải, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực vận tải.
- Có khả năng vận dụng các kiến thức trong công tác quản lý và kinh doanh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải.
- Có tư duy sáng tạo và khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực vận tải.
- Có tính thần học tập, không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư chuyên ngành kinh tế vận tải đạt được:

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.
- Xác định được và vận dụng được kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong quản lý kinh tế như xác suất thống kê, phương pháp toán trong quản lý kinh tế,... để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- Trình bày được kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế như: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, pháp luật kinh tế, ...
- Xác định được kiến thức cơ sở chuyên ngành, bao gồm: hàng hóa vận tải, địa lý kinh tế vận tải, luật vận tải, quản lý nhà nước về vận tải, quy hoạch giao thông vận tải.
- Trình bày được kiến thức chuyên sâu về: Kinh tế vận tải, quản lý kinh doanh vận tải thủy, quản lý kinh doanh vận tải bộ, quản lý kinh doanh vận tải sắt, đường hàng không; phân tích hoạt động kinh doanh vận tải, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực trong vận tải, hợp đồng vận tải....

1.2.2. Kỹ năng

(a) Lập kế hoạch sản xuất:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh trong các doanh nghiệp trong ngành vận tải.
- Lập kế hoạch SXKD tháng, quý, năm cho các doanh nghiệp vận tải;

(b) Tổ chức và điều hành:

- Lựa chọn và triển khai các phương án kinh doanh vận tải; quản lý nguồn lực bao gồm tài chính, nhân sự, phương tiện thiết bị...; điều hành các hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp;
- Thực hành các nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ liên quan tại các cơ quan, tổ chức vận tải.

(c) Tham gia tính toán, phân tích kinh tế - kỹ thuật:

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khai thác cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển.
- Thực hành các nghiệp vụ chuyên môn liên quan.

(d) Làm việc:

Làm việc khoa học, tư duy sáng tạo; phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh; tổng hợp, đánh giá và đúc kết kinh nghiệm.

(e) Ngoại ngữ, tin học:

- **Ngoại ngữ:** Sử dụng được tiếng Anh cơ bản bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, (500 điểm TOEIC, IELTS 4.5 điểm hoặc tương đương, theo quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh). Đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành để tra cứu tài liệu và giao dịch thông thường trong công việc.

- **Công nghệ thông tin:** Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Thông tin và Truyền thông qui định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng như Winword, Excel, Access, Powerpoint, Pascal và các phần mềm chuyên ngành.

1.2.3. Thái độ

- Thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; ý thức kỷ luật tốt và tác phong công nghiệp; có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và khả năng tự học.
- Có tinh thần làm việc vì doanh nghiệp; vì cộng đồng, xã hội.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Có thể công tác tại các tổ chức, cơ quan quản lý Nhà nước về vận tải; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn là: kế hoạch, kinh doanh, khai thác/điều độ, thương vụ, đại lý...
- Tiếp tục học tập nâng cao trình độ các bậc học sau đại học ở các lĩnh vực: tổ chức và quản lý vận tải, quản trị kinh doanh

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

- **An ninh quốc phòng:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- **Chính trị:** Trình bày được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chương trình đào tạo.

- **Khoa học cơ bản:** Xác định được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội; vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản vào việc tiếp cận khai thác các thông tin và kiến thức mới; vận dụng được khoa học cơ bản vào nghiên cứu và phát triển học thuật.

- **Ngoại ngữ:** Sử dụng được tiếng Anh cơ bản bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, (500 điểm TOEIC, IELTS 4.5 điểm hoặc tương đương, theo quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh). Đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành để tra cứu tài liệu và giao dịch thông thường trong công việc.

- **Công nghệ thông tin:** Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng bộ Thông tin và Truyền thông qui

định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng như Winword, Excel, Access, Powerpoint, Pascal và các phần mềm chuyên ngành.

2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành

Xác định được kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong quản lý kinh tế như xác suất và thống kê, phương pháp toán trong quản lý kinh tế,... để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

Xác định được kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế như: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, pháp luật kinh tế, ...

Xác định được kiến thức cơ sở chuyên ngành quản lý và kinh doanh vận tải, bao gồm: hàng hóa vận tải, địa lý kinh tế vận tải, luật vận tải, phương tiện vận tải, quy hoạch giao thông vận tải.

2.1.3 Kiến thức chuyên ngành

Xác định được kiến thức chuyên sâu về: quản lý kinh doanh vận tải, quản lý kinh doanh vận tải đường thủy, quản lý kinh doanh vận tải đường hàng không, quản lý kinh doanh vận tải đường sắt, quản lý kinh doanh vận tải đường bộ, quản trị vận tải đa phương thức, quản trị nhân sự, quản trị tài chính doanh nghiệp, hợp đồng vận tải, bảo hiểm vận tải,....

2.2 Kỹ năng

- Xây dựng chiến lược, giải pháp phát triển các doanh nghiệp trong ngành vận tải.
- Lập kế hoạch SXKD tháng, quý, năm cho các doanh nghiệp (bên xe, ga cảng hàng không, ga đường sắt, bến thủy nội địa, công ty vận tải hành khách và hàng hóa,...);
- Lập kế hoạch khai thác đội tàu thủy nội địa, toa xe lửa, phương tiện vận tải đường bộ, lập kế hoạch chuyến đi cho phương tiện vận tải của các công ty kinh doanh dịch vụ vận tải; kế hoạch khai thác bến bãi, ga cảng, kho hàng, thiết bị xếp dỡ - phương tiện vận chuyển, kế hoạch làm hàng, kế hoạch xếp dỡ - giao nhận hàng hóa tại các bến, ga cảng, trạm làm hàng;
- Lập qui hoạch bến bãi, kho hàng; xây dựng quy trình công nghệ xếp dỡ, quy trình giao nhận hàng hoá tại các bến, ga cảng, trạm làm hàng; quy hoạch luồng hàng vận chuyển.
- Tổ chức điều hành hoặc tham gia tổ chức điều hành công tác xếp dỡ, giao nhận hàng hóa tại các bến, ga cảng, trạm làm hàng; khai thác, điều động phương tiện tại các công ty vận tải; hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ tại các doanh nghiệp khác trong ngành vận tải và thương mại.
- Tính toán, phân tích kinh tế - kỹ thuật đề đầu tư xây dựng các bến, ga cảng, trạm làm hàng; mua sắm trang thiết bị xếp dỡ, mua sắm phương tiện vận tải; khai thác cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các bến, ga cảng, trạm làm hàng; phương tiện vận chuyển.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Giao tiếp tốt thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện giao tiếp hiện đại.
- Tự học tốt, tự nghiên cứu qua sách vở, tài liệu; khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên thông tin, vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Làm việc khoa học, sáng tạo; phân tích và giải quyết được các vấn đề nảy sinh; tổng hợp, đánh giá và đúc kết được kinh nghiệm làm việc.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.3 Thái độ

- Thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm cao, đúng quy định của pháp luật, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; ý thức kỷ luật tốt và tác phong công nghiệp;
- Làm việc nhóm và làm việc độc lập tốt, sáng tạo, giải quyết tốt các tình huống phát sinh.
- Tinh thần làm việc vì doanh nghiệp; vì cộng đồng, xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (không gồm GDTC và GDQP-AN): 125 tín chỉ
 - Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ
 - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức điều kiện:
 - Giáo dục thể chất: 04 tín chỉ
 - Giáo dục QP-AN: 165 tiết (tương đương 08 tín chỉ)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

- Theo Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 591/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/08/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

- Theo Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

- Theo Quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/05/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

- Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

6. Cách thức đánh giá:

- Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

- Theo quy định trong Đề cương chi tiết các học phần.

7. Nội dung chương trình:

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ (LT/TH/ Tự học)	Nội dung (tóm tắt)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1. Toán và tin học:				
001201	Đại số	2 (1/1/0)	Cung cấp các kiến thức cơ bản về: ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector; không gian Euclide; chéo hóa ma trận.	Bắt buộc
001202	Giải tích 1	3 (2/1/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giới hạn và sự liên tục của hàm một biến, phép tính vi phân hàm một biến (đạo hàm, vi phân, ứng dụng), phép tính tích phân hàm một biến (tích phân bất định, tích phân xác định, ứng dụng tích phân xác định, tích phân suy rộng), phép tính vi phân hàm nhiều biến (đạo hàm, vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến).	Bắt buộc
001212	Xác suất thống kê	3 (2/1/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng tham số, các bài toán kiểm định giả thiết thống kê; bài toán phân tích tương quan và phân tích hồi quy.	Bắt buộc
001211	Toán kinh tế	2 (1/1/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính; bài toán vận tải; bài toán vận tải có hạn chế khả năng thông qua; bài toán vận tải	Bắt buộc

			chứa tham số ở hàm mục tiêu; bài toán điều tầu rỗng; bài toán phân phối; phương pháp sơ đồ mạng PERT. Qua đó rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về tư duy, xây dựng mô hình toán và lựa chọn phương pháp giải các bài toán tối ưu trong kinh tế, giáo dục, lao động sản xuất, quản lý thời gian và tiến độ của một dự án.	
124012	Tin học cơ bản	2 (1/1/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành theo quy định chuẩn kỹ năng cơ bản sử dụng Công nghệ Thông tin theo thông tư số 03 /2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông Tin và Truyền Thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông tin và phương pháp giải toán bằng máy tính	Bắt buộc
1.2. Pháp luật và khoa học xã hội, ngoại ngữ				
005105	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0/0)	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005106	Kinh tế chính trị	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005105 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005106 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005108	Lịch sử Đảng	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005102 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005107 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005004	Pháp luật đại cương	2 (1,5/0,5/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật; bản chất, các kiểu và hình thức Nhà nước; bản chất, các kiểu và hình thức pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật XHCN; quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa; pháp chế xã hội chủ nghĩa; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật. Cơ sở pháp lý về hợp đồng, khiếu nại, bảo hiểm liên quan đến hoạt động hàng hải.	Bắt buộc
022014	Kỹ năng mềm 1	1 (0.5/0.5/0)	Cung cấp các kỹ năng cơ bản: Có ý chí chiến thắng, có quan điểm lạc quan; có tinh thần đồng đội, hòa đồng với tập thể;	Bắt buộc
022015	Kỹ năng mềm 2	1 (0.5/0.5/0)	Học phần học trước: 022014 Cung cấp các kỹ năng cơ bản: giao tiếp hiệu quả; tự tin; mài dũa kỹ năng sáng tạo; chấp nhận và học hỏi từ những lời phê bình; thúc đẩy bản thân và dẫn dắt người khác; đa nhiệm vụ và xác định trước những việc cần làm; có cái nhìn tổng quan.	Bắt buộc
006015	Tiếng Anh 5	4 (4/0/0)	Sau khi học xong sinh viên có thể: - Nắm vững các kiến thức ngữ pháp về thì, các hình thức câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, cấu trúc câu sử dụng động từ khiếm khuyết,... - Mở rộng vốn từ vựng về tính từ, trạng từ, từ liên quan đến chủ đề du lịch, tiền tệ, công việc, sức khỏe, cuộc sống, giao tiếp,... - Phát âm chuẩn các âm tố, nhấn đúng trọng âm trong từ và trong câu, thể hiện ngữ điệu đúng mục đích giao tiếp. - Giao tiếp thành thạo trong các ngữ cảnh giao tiếp	Bắt buộc

			<p>hàng ngày như chào hỏi, hỏi thông tin, yêu cầu, đề nghị, nêu quan điểm, đặt cuộc hẹn, đưa ra lời khuyên,...</p> <p>- Nghe hiểu được ý chính của một bài nghe với tốc độ vừa phải liên quan đến những vấn đề thường gặp như du lịch, công việc, cuộc sống, giao tiếp khi mua hàng, dự định tương lai,...</p> <p>- Đọc hiểu được bài đọc có từ vựng liên quan đến những vấn đề thường xảy ra trong cuộc sống và công việc. Hiểu được email, blog hay mẫu tin mô tả sự kiện, cảm xúc và mong muốn của người viết.</p> <p>- Viết thư nêu quan điểm cá nhân, mô tả sự kiện...Viết thiệp mời, thư xin việc và các bài viết sử dụng từ nối với những chủ đề thân thuộc hàng ngày.</p>	
006016	Tiếng Anh 6	4 (4/0/0)	<p>Học phần học trước: 006015</p> <p>Ôn luyện, củng cố, và mở rộng các kiến thức tiếng Anh (Từ vựng, Ngữ pháp, Thành ngữ/ đặc ngữ/ quán ngữ) mà Sinh viên đã học ở Tiếng Anh cơ bản 5. Việc dạy và học phần Tiếng Anh cơ bản 6 chú trọng phát triển kỹ năng Nghe – Nói, giao tiếp bằng tiếng Anh về các đề tài thông dụng trong cuộc sống hàng ngày; củng cố và nâng cao kỹ năng Đọc – Viết.</p>	Bắt buộc
006411	Tiếng Anh thương mại 1	3 (2/1/0)	<p>Ôn tập lại các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, trang bị các vốn kiến thức về ngành chuyên môn, cấu trúc câu thuật ngữ chuyên ngành. Đọc hiểu, dịch các tài liệu, phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh chuyên ngành.</p>	Bắt buộc
006412	Tiếng Anh thương mại 2	3 (2/1/0)	<p>Học phần học trước: 006411</p> <p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành vận tải biển; nâng cao khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn và khả năng giao tiếp trong lĩnh vực vận tải biển.</p>	Bắt buộc
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1 Kiến thức cơ sở ngành				
2.1.1 Kiến thức chung của nhóm ngành				
414022	Kinh tế vi mô	3 (3/0/0)	<p>Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Phân tích các yếu tố xác định giá và sản lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát.</p>	Bắt buộc
414023	Kinh tế vĩ mô	3 (3/0/0)	<p>Học phần học trước: 414022</p> <p>Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế, mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn, các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô</p>	Bắt buộc

			của một nền kinh tế như cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại. Giới thiệu các trường phái và những cách tiếp cận khác nhau nhằm giải thích sự vận hành của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn; các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản và vai trò quản lý hệ thống các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô đối với một nền kinh tế mở. Bên cạnh đó còn phân tích những cơ sở vĩ mô làm nền tảng cho các phân tích kinh tế vĩ mô.	
413004	Tài chính - Tiền tệ	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 414022, 414023 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như chức năng tài chính, tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế, hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước. Ngân sách và chính sách tài khoá, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp (vốn, nguồn vốn, quản lý vốn). Hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng trung gian, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.	Bắt buộc
412005	Lý thuyết dự báo kinh tế	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 001212 Giúp sinh viên nắm vững một số phương pháp dự báo được sử dụng trong kinh tế, biết xử lý số liệu thống kê, biết lựa chọn xu thế phát triển của một hệ thống kinh tế và xây dựng được mô hình dự báo. Với những kiến thức này sẽ giúp sinh viên thực hiện tốt hơn trong việc lập kế hoạch và điều hành sản xuất.	Bắt buộc
411002	Luật kinh tế	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005004 Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, địa vị pháp lý của các tổ chức kinh doanh, quá trình hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản, nội dung hợp đồng kinh tế, giải quyết tranh chấp...	Bắt buộc
414005	Nguyên lý thống kê	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 001212 Môn học cung cấp lý luận cơ bản và có tính hệ thống về thống kê học bao gồm lý luận và phương pháp luận điều tra, xử lý các số liệu thống kê để rút ra kết luận về bản chất và qui luật của hiện tượng. Giúp sinh viên nắm được các phương pháp thống kê thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên ngành.	Bắt buộc
413005	Nguyên lý kế toán	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 414022, 414023 Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc kế toán cơ bản cũng như giới thiệu khái quát cách thức hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính, các hình thức sổ sách kế toán và cách thức tổ chức bộ máy kế toán trong một DN.	Bắt buộc
2.1.2 Kiến thức chung của ngành				
412017	Hàng hóa vận tải	2 (2/0/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàng hoá vận tải để phục vụ cho các môn học chuyên ngành. Sau khi học tập sinh viên nắm được: các đặc tính vận tải của hàng hoá, các yêu cầu và kỹ thuật chất xếp, vận chuyên, bảo quản hàng hoá trong quá trình vận tải.	Bắt buộc

412018	Địa lý kinh tế vận tải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418011 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch, phân bổ các vùng và các khu vực kinh tế; điều kiện phát triển của các khu vực kinh tế; nhu cầu về lưu thông hàng hóa; hệ thống giao thông vận tải của Việt Nam và các nước, điều kiện đặc điểm tự nhiên, khí hậu thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động vận tải.	Bắt buộc
416019	Luật vận tải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017, 418001 Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật vận tải của quốc gia và quốc tế trong vận tải hàng hóa để vận dụng một cách đúng đắn và có hiệu quả vào việc kinh doanh các dịch vụ vận tải.	Bắt buộc
418011	Phương tiện vận tải	2 (2/0/0)	Cung cấp cho sinh viên đặc điểm của các loại hình vận tải; đặc tính kỹ thuật của các loại phương tiện vận chuyển đường thủy, đường bộ, đường sắt và đường hàng không; yêu cầu cơ bản trong quản lý khai thác phương tiện; điều kiện, môi trường hoạt động của các loại phương tiện vận tải.	Bắt buộc
415014	Điều tra quy hoạch giao thông vận tải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017 Trang bị những kiến thức cơ bản về công tác điều tra quy hoạch kinh tế, kỹ thuật phục vụ cho việc lập quy hoạch hệ thống đường giao thông. Các nguyên lý cơ bản trong quy hoạch mạng lưới đường giao thông.	Bắt buộc
2.2 Kiến thức chuyên ngành:			45 TC	
2.2.1 Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu (Bắt buộc)				
418001	Quản lý kinh doanh vận tải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 412017, 418011 Giới thiệu cơ sở pháp lý liên quan đến công tác quản lý, bao gồm cả quản lý nhà nước cũng như quản lý tại các đơn vị trong lĩnh vực vận tải. Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh doanh các dịch vụ vận tải bao gồm thị trường vận tải (hàng hóa, phương tiện, giá cước...), hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong kinh doanh vận tải.	Bắt buộc
418002	Quản lý vận tải thủy	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017; 418011, 412018, 415014, 418001 Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ chế, chính sách của quản lý nhà nước về vận tải thủy nhằm tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; công tác quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải tại các doanh nghiệp vận tải thủy; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hóa về chất lượng dịch vụ, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải thủy, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế và khu vực, phù hợp với định hướng CNH, HĐH.	Bắt buộc
418009	Quản lý vận tải hàng không	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017; 418011, 412018, 415014, 418001 Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ chế, chính sách của quản lý nhà nước về vận tải đường hàng không nhằm tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; công tác quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải tại các doanh nghiệp vận tải hàng không; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hóa về chất lượng dịch vụ, an	Bắt buộc

			toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường hàng không, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế và khu vực, phù hợp với định hướng CNH, HĐH.	
418003	Quản lý vận tải bộ	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017; 418011, 412018, 415014, 418001 Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ chế, chính sách của quản lý nhà nước về vận tải đường bộ nhằm tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải tại các doanh nghiệp; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hóa về chất lượng dịch vụ vận tải, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế và khu vực, phù hợp với định hướng CNH, HĐH.	Bắt buộc
418004	Quản lý vận tải đường sắt	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017; 418011, 412018, 415014, 418001 Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ chế, chính sách của quản lý nhà nước về vận tải đường sắt nhằm tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; công tác quản lý kinh doanh dịch vụ vận tải tại các doanh nghiệp vận tải đường sắt; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hóa về chất lượng dịch vụ, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường sắt, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế và khu vực, phù hợp với định hướng CNH, HĐH.	Bắt buộc
418006	Kinh doanh vận tải thủy	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418002 Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh vận tải thủy gồm: các phương thức kinh doanh vận tải thủy, lựa chọn phương án kinh doanh, lập kế hoạch khai thác phương tiện, tổ chức điều hành phương tiện, tính toán hiệu quả kinh doanh...	Bắt buộc
418009	Kinh doanh vận tải hàng không	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418001 Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh vận tải đường hàng không gồm: các phương thức kinh doanh vận tải đường hàng không, lựa chọn phương án kinh doanh, lập kế hoạch khai thác phương tiện, tổ chức điều hành vận chuyển, tính toán hiệu quả kinh doanh...	Bắt buộc
418007	Kinh doanh vận tải bộ	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418003 Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh vận tải bộ gồm: các phương thức kinh doanh vận tải bộ, lựa chọn phương án kinh doanh, lập kế hoạch khai thác phương tiện, tổ chức điều hành phương tiện, tính toán hiệu quả kinh doanh...	Bắt buộc
418008	Kinh doanh vận tải đường sắt	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418004 Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kinh doanh vận tải đường sắt gồm: các phương thức kinh doanh vận tải đường sắt, lựa chọn phương án kinh doanh, lập kế hoạch khai thác phương tiện, tổ chức điều hành vận chuyển, tính toán hiệu quả kinh doanh...	Bắt buộc

414040	Phân tích hoạt động KD	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 413004, 413015 Trang bị kiến thức và phương pháp luận giúp sinh viên có thể phân tích được các mặt hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở số liệu thu thập được từ doanh nghiệp thực tế, sinh viên vận dụng lý thuyết đã học để phân tích các mặt của hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp cụ thể. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm khắc phục những mặt tồn tại và giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.	Bắt buộc
416007	Quản trị vận tải đa phương thức	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 418001, 416019, 418006, 418007, 418008 Sinh viên được cung cấp những kiến thức tổng quan về các phương thức vận tải như vận tải container, vận tải hàng không, đường sắt và sự phối hợp của các phương thức vận tải trên phạm vi quốc tế, tổ chức thực hiện vận tải hàng hóa đa phương thức. Thông qua môn học sinh viên được biết phương pháp quản lý, hệ thống luật pháp chế tài của vận tải đa phương thức trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới.	Bắt buộc
414024	Quản trị nhân sự	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 418006, 418007, 418008, 418009 Nghiên cứu công tác quản lý, tổ chức và sử dụng lao động trong các doanh nghiệp vận tải.	Bắt buộc
413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 413004 Sinh viên nắm được: + Bản chất, chức năng, môi trường kinh doanh tài chính doanh nghiệp và các loại hình tổ chức tài chính doanh nghiệp; + Vốn sản xuất kinh doanh: vốn cố định, vốn lưu động và quản lý vốn lưu động của doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn SXKD; + Tài trợ dài hạn của doanh nghiệp: nguồn tài trợ dài hạn, tín dụng thuê mua và chi phí sử dụng vốn trong các doanh nghiệp; doanh thu lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp; + Đặc điểm quản lý trong ngành tài chính. Trên cơ sở số liệu thu thập được từ thực tế. Sinh viên vận dụng lý thuyết đã học để đánh giá, phân tích thực trạng tình hình tài chính của một doanh nghiệp cụ thể từ đó đề ra các giải pháp có tính thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác tài chính của doanh nghiệp.	Bắt buộc
418010	Hợp đồng vận tải	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 416019, 416007 Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các kỹ năng trong việc soạn thảo, đàm phán và ký kết thực hiện hợp đồng dịch vụ vận tải để nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải.	Bắt buộc
412015	Bảo hiểm vận tải	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 412017, 418011, 416007, 416019 Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm phương tiện vận tải, bảo	Bắt buộc

			hiểm hàng hoá trong vận tải và bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp.	
418020	Thực tập chuyên môn	2 (0/0/2)	Giúp sinh viên nắm được chức năng nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động, yêu cầu về tổ chức quản lý của doanh nghiệp vận tải; chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban cũng như chức trách nhiệm vụ của từng chức danh; các nghiệp vụ cơ bản về quản lý kinh doanh các dịch vụ vận tải.	Bắt buộc
2.2.2 Kiến thức chuyên ngành mở rộng (Tự chọn - chọn 04 học phần)				
416012	Quản trị Marketing	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 411022 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường, các phương pháp chung để nghiên cứu và dự báo thị trường, sử dụng các chính sách Marketing để phát triển và mở rộng thị trường (chính sách giá cả, phân phối, sản phẩm, chiêu thị).	Tự chọn
413030	Nghiệp vụ ngoại thương	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416019, 416007 Nghiên cứu về điều kiện cơ sở giao hàng trong thương mại quốc tế, giao dịch thương mại, hợp đồng thương mại.	Tự chọn
414032	Quản lý dự án	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 413004, 413015 Trang bị cho sinh viên ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, phương pháp luận về dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.	Tự chọn
413008	Thanh toán quốc tế	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 413004 Sinh viên nắm được các nội dung chính sau: Tỷ giá hối đoái, các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ giá, các biện pháp điều chỉnh tỷ giá và các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối; Các phương tiện thanh toán quốc tế: Hối phiếu, Séc, Kỳ phiếu, thẻ thanh toán; Các phương thức thanh toán quốc tế: T/T, D/P, D/A, L/C...	Tự chọn
416002	Thương mại điện tử	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 411002 Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển thương mại điện tử tại VN, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing và thanh toán trực tuyến. Học xong môn học, sinh viên có thể đánh giá, tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh qua mạng Internet.	Tự chọn
413017	Nghiệp vụ thuế	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 413015 Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về những loại thuế đặc trưng, thường gặp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp tính, kê khai và nộp một số loại thuế cơ bản. Môn học còn cung cấp kiến thức hỗ trợ cho một số môn học khác như quản trị tài chính doanh nghiệp, kế toán.	Tự chọn
413011	Nghiệp vụ kế toán	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 413005 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài khoản, sổ sách kế toán để quản lý tài sản, nguồn vốn và xác định kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Nắm vững các qui định chế độ, chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính.	Tự chọn

413009	Thị trường chứng khoán	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 411002 Nghiên cứu các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; công tác phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp; cách thức giao dịch chứng khoán trên thị trường thứ cấp; phân tích chứng khoán để có quyết định mua bán chứng khoán nhằm tránh rủi ro trong kinh doanh chứng khoán.	Tự chọn
416020	Quản trị chiến lược	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416007 Môn học này giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản sau: + Có được khả năng phân tích các đe dọa, nguy cơ cùng cơ hội do môi trường đem lại cho doanh nghiệp khi kinh doanh. + Đề xuất được các chiến lược cho doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp để tồn tại và phát triển trong điều kiện của nền kinh tế thị trường & hội nhập.	Tự chọn
2.3 Khóa luận tốt nghiệp				
418021	Thực tập tốt nghiệp	3 (0/0/3)	Học phần học trước: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Thực hiện tại các doanh nghiệp trong ngành vận tải và đơn vị liên quan. Giúp sinh viên nắm được sâu hơn nghiệp vụ chuyên môn tại các doanh nghiệp. Sinh viên có thể có thể tổng hợp và xử lý số liệu, so sánh kết quả, có thể chỉ ra được thực trạng và nguyên nhân. Đây là cơ sở để sinh viên làm luận văn tốt nghiệp.	Bắt buộc
418022	Luận văn tốt nghiệp	8 (0/0/8)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Sinh viên đủ điều kiện được giao đề tài tốt nghiệp với nội dung và mục tiêu cụ thể nhằm giải quyết khá trọn vẹn một vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành được đào tạo. Sử dụng các kiến thức được trang bị để giải quyết các nội dung của đề tài tốt nghiệp theo mục tiêu đề ra. Sản phẩm của đề án tốt nghiệp được thể hiện qua thuyết minh đồ án, chương trình, phần mềm...	Bắt buộc
SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau: (Chọn 02 trong số 03 học phần) = 4 TC				
418025	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến thực hành giao nhận hàng hóa trong vận tải thủy, vận tải bộ, vận tải đường sắt và đường hàng không.	Tự chọn
418026	Logistics vận tải	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Nắm được quá trình hình thành, bản chất logistics, tổng quát hoạt động logistics trong hoạt động SXKD. Sinh viên cũng được cung cấp những kiến thức tổng quan về các phương thức vận tải như vận tải container, vận tải hàng không, đường sắt và sự phối hợp của các phương thức vận tải trên phạm vi quốc tế. Thông qua môn học sinh viên sẽ được biết phương pháp quản lý,	Tự chọn

			hệ thống luật pháp chế tài của vận tải đa phương thức trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới.	
418027	Kinh doanh vận tải quốc tế	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về toàn cầu hóa, khái quát về hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế và công ty đa quốc gia, những khác biệt trong môi trường kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh vận tải quốc tế.	Tự chọn
Sinh viên đăng ký làm chuyên đề tốt nghiệp sau khi hoàn thành 4 TC tự chọn:				
418023	Chuyên đề tốt nghiệp	4 (0/0/4)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình. Sinh viên thực hành giải quyết một mảng nghiệp vụ chuyên môn tại các doanh nghiệp hay tổ chức liên quan đến lĩnh vực vận tải trên cơ sở vận dụng các kiến thức chuyên ngành để so sánh, đánh giá hoặc hoàn thiện nghiệp vụ đó. Sản phẩm của chuyên đề tốt nghiệp thể hiện bằng "báo cáo chuyên đề".	Bắt buộc
3. Kiến thức điều kiện (không tính vào chương trình để tính điểm tích lũy nhưng bắt buộc sinh viên phải học và đạt yêu cầu mới đủ điều kiện tốt nghiệp cuối khóa)				
3.1 Giáo dục Quốc phòng – An ninh				
007101	Đường lối quân sự của Đảng	30 tiết	Theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.	Bắt buộc
007102	Công tác quốc phòng, an ninh	30 tiết		Bắt buộc
007103	Quân sự chung và kỹ thuật, chiến thuật bắn súng AK	85 tiết		Bắt buộc
007104	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	20 tiết		Bắt buộc
3.2 Giáo dục thể chất (học theo quy định của nhà trường)				
004101	Lý thuyết giáo dục thể chất	1	Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.	Bắt buộc
004105	Điền kinh	1		Bắt buộc
004103	Bơi 1 (50 m)	1		Tự chọn
004104	Bơi 2 (200 m)	1		Tự chọn
004106	Bóng chuyền	1		Tự chọn
004107	Bóng đá	1		Tự chọn
004108	Bóng rổ	1		Tự chọn
004109	Bóng bàn	1		Tự chọn
004110	Cờ vua	1		Tự chọn

8. Hướng dẫn thực hiện**8.1. Kế hoạch đào tạo (dự kiến):**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước, song hành	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1								15
1	001201	Đại số	2	x				
2	001202	Giải tích 1	3	x				
3	006015	Tiếng Anh 5	4	x				
4	414022	Kinh tế vi mô	3	x				
5	412017	Hàng hóa vận tải	2	x				
6	022014	Kỹ năng mềm 1	1	x				
Học kỳ 2								16
7	005105	Triết học Mác - Lênin	3	x				
8	005004	Pháp luật đại cương	2	x				
9	124012	Tin học cơ bản	2	x				
10	414023	Kinh tế vĩ mô	3	x		414022		
11	418011	Phương tiện vận tải	2	x				
12	006016	Tiếng Anh 6	4	x		006015		
Học kỳ 3								16
13	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		005105		
14	001212	Xác suất và thống kê	3	x				
15	413004	Tài chính tiền tệ	2	x		414022 414023		
16	412018	Địa lý kinh tế vận tải	2	x		418011		
17	415014	Điều tra quy hoạch GTVT	2	x		412017		
18	411002	Luật kinh tế	2	x		005004		
19	418001	Quản lý kinh doanh vận tải	3	x		412017 418011		
Học kỳ 4								18
20	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		005106		
21	006411	Tiếng Anh thương mại 1	3	x				
22	416019	Luật vận tải	3	x		412017 418001		
23	418002	Quản lý vận tải thủy	2	x		412017 418011 412018 415014 418001		
24	412005	Lý thuyết dự báo kinh tế	2	x		001212		
25	001211	Toán kinh tế	2	x				

26	418003	Quản lý vận tải bộ	2	x		412017 418011 412018 415014 418001		
27	418004	Quản lý vận tải đường sắt	2	x		412017 418011 412018 415014 418001		
Học kỳ 5								15
28	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		005107		
29	418006	Kinh doanh vận tải thủy	2	x		418002		
30	418007	Kinh doanh vận tải bộ	2	x		418003		
31	413005	Nguyên lý kế toán	2	x		414022 414023		
32	413015	Quản trị tài chính DN	3	x		413004		
33	414005	Nguyên lý thống kê	2	x		001212		
34	418008	Kinh doanh vận tải đường sắt	2	x		418004		
Học kỳ 6								18
35	005108	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	x		005102		
36	418005	Quản lý vận tải hàng không	2	x		412017 418011 412018 415014 418001		
37	418009	Kinh doanh vận tải hàng không	2	x		418001		
38	416007	Quản trị vận tải đa phương thức	3	x		418001 416019 418006 418007 418008		
39	006412	Tiếng Anh thương mại 2	3	x		006411		
<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần sau</i>								
40	416012	Quản trị marketing	2		x	411022		
41	414032	Quản lý dự án	2		x	413004 413015		
42	413008	Thanh toán quốc tế	2		x	413004		
43	416020	Quản trị chiến lược	2		x	416007		
44	418020	Thực tập chuyên môn	2	x				
Học kỳ 7								16
45	414024	Quản trị nhân sự	3	x		418006 418007 418008 418009		

46	418010	Hợp đồng vận tải	3	x		416019 416007			
47	414040	Phân tích hoạt động KD	3	x		413004 413015			
48	412015	Bảo hiểm vận tải	2	x		412017 418011 416007 416019			
49	022015	Kỹ năng mềm 2	1	x		022014			
<i>Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần sau</i>									
50	413030	Nghiệp vụ ngoại thương	2		x	416019 416007			
51	416002	Thương mại điện tử	2		x	411002			
52	413017	Nghiệp vụ thuế	2		x	413015			
53	413011	Nghiệp vụ kế toán	2		x	413005			
54	413009	Thị trường chứng khoán	2		x	411002			
Học kỳ 8								11	
55	418021	Thực tập tốt nghiệp	3	x		Tất cả			
56	418022	Luận văn tốt nghiệp	8	x			Tất cả		
<i>Sinh viên không làm LVTN học thay thế 4 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn gồm:</i>								Tất cả	
57	418023	Chuyên đề tốt nghiệp	4	x					
<i>Tự chọn 4 tín chỉ trong số các học phần sau:</i>								4	
58	418025	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa	2		x				
59	418026	Logistics vận tải	2		x				
60	418027	Kinh doanh vận tải quốc tế	2		x				
Khối lượng kiến thức điều kiện									
I	Giáo dục quốc phòng - An ninh (Sinh viên học theo kế hoạch của nhà trường)							165	tiết
1	007101	Đường lối quân sự của đảng	30 tiết	x					
2	007102	Công tác quốc phòng an ninh	30 tiết	x					
3	007103	Quân sự chung và kỹ chiến thuật bắn súng AK	85 tiết	x					
4	007104	Hiểu biết chung về quân binh chủng	20 tiết	x					
II	Giáo dục thể chất (Sinh viên chủ động đăng ký học theo quy định về học GDTC)							4TC	
1	004101	Lý thuyết GDTC	1	x					
2	004105	Điền kinh	1	x					
<i>Sinh viên chọn 2 trong số các học phần sau</i>									
3	004103	Bơi 1 (50m)	1		x				
4	004104	Bơi 2 (200m)	1		x				

5	004106	Bóng chuyền	1		x			
6	004107	Bóng đá	1		x			
7	004108	Bóng rổ	1		x			
8	004109	Bóng bàn	1		x			
9	004110	Cờ vua	1		x			

- Sinh viên nên đăng ký học theo đúng học kỳ.
- Trường hợp học vượt sinh viên chỉ nên đăng ký những học phần mới sau khi đã tích lũy được các học phần được bố trí trước nó trong kế hoạch đào tạo.

8.2. Các học phần thay thế khi khóa trước phải học lại:

Học phần cũ khóa 2018			Học phần mới từ khóa 2019			Ghi chú
Mã HP	Tên học phần	Số TC	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
005001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	005105	Triết học Mác - Lênin	3	Thay thế
			005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Thay thế
			005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Thay thế
005002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Thay thế
005003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	005108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Thay thế
006011	Tiếng Anh 3	4	006015	Tiếng Anh 5	4	Thay thế
006012	Tiếng Anh 4	4	006016	Tiếng Anh 6	4	Thay thế

PHỤ TRÁCH KHOA KINH TẾ VẬN TẢI
(Đã ký)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

TS. NGUYỄN VĂN KHOẢNG

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG